

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PL
TỈNH BP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2024

Về việc “*Tranh chấp về cấp
dưỡng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PL - TỈNH BP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Tạ Đình Thành

Bà: Vũ Thị Lựu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã PL.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã PL tham gia phiên tòa: ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh BP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Doãn P, sinh năm 1979; Địa chỉ: khu phố 05, phường Long Phước, thị xã PL, tỉnh BP – Có mặt.

- *Bị đơn:* bà Đinh Thị Thanh V, sinh năm: 1983; Địa chỉ: thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã PL, tỉnh BP – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn ông Nguyễn Doãn P thể hiện: Ngày 29/12/2010, ông Nguyễn Doãn P và bà Đinh Thị Thanh V thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 58/2010/QĐST-HNG của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh BP trong đó có sự thỏa thuận giữa ông P với bà V là giao con chung tên Nguyễn Thảo H, sinh ngày 20/4/2008 cho ông Nguyễn Doãn P trực tiếp chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền

800.000đ/01 tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2011 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Quá trình nuôi dưỡng cháu H, ông P khởi kiện về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung. Theo Bản án số: 24/2017/HNGĐ-PT, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh BP Quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà V từ 800.000đ/01 tháng lên mức 1.200.000đ/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ngày 12/12/2023, ông Nguyễn Doãn P có đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi cháu H với mức 4.000.000đ/01 tháng. Ngoài ra ông P không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị Thanh V trình bày: Bà V thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn anh P về việc sau khi ly hôn, con chung do anh P nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện tại bà V là giáo viên mầm non của trường mẫu giáo Phước Tín với mức lương 11.215.392đ/tháng, hiện tại bà V đã lập gia đình riêng và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ ruột già yếu mất sức lao động nên bà V không đồng ý mức cấp dưỡng từ 1.200.000đ/tháng lên 4.000.000đ/tháng như ông P yêu cầu. Bà V đồng ý thay đổi mức cấp dưỡng đối với cháu H từ 1.200.000đ/01 tháng lên mức 1.800.000đ/01 tháng, ngoài ra bà V không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải nhưng nguyên đơn, bị đơn không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Doãn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn bà Đinh Thị Thanh V cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ngoài ra ông P không có ý kiến, hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Đinh Thị Thanh V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh BP phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 107, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Doãn P về việc “Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con” đối với bị đơn bà Đinh Thị Thanh V, đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.800.000đ/01 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như

sau:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Doãn P thuộc trường hợp “*Tranh chấp về cấp dưỡng*” được quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đinh Thị Thanh V có địa chỉ tại thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã PL, tỉnh BP. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh BP.

[2]. *Về tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Đinh Thị Thanh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Doãn P vì lý do chi phí tối thiểu cho học tập, sinh hoạt của cháu H ngày càng tăng, giá cả thị trường có sự biến động tăng, mức cấp dưỡng 1.200.000đ/tháng không còn phù hợp với thời điểm hiện nay, bà V có công việc và thu nhập ổn định, nguyên đơn và bị đơn không thể thỏa thuận được việc thay đổi mức cấp dưỡng. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P là có căn cứ cần được chấp nhận theo qui định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình “*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

[3] Xét yêu cầu xin thay đổi mức cấp dưỡng của nguyên đơn từ 1.200.000đ/tháng lên 4.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn nêu các khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập, sinh hoạt cho con chung (cháu H) đều tăng nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp và có căn cứ, vì đây là các khoản chi thực tế nhưng không thể thể hiện trên hóa đơn, chứng từ cụ thể và đề nghị Tòa án thu thập. Tuy nhiên, căn cứ vào thu nhập và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng bà V. Hội đồng xét xử xét thấy, bà V hiện đang là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định với mức lương 11.215.392đ/tháng, tuy nhiên bà V đã có gia đình riêng, hiện tại đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ già, mất khả năng lao động. Để đảm bảo đầy đủ cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cho con chung trong độ tuổi phát triển, căn cứ nhu cầu thiết yếu cho việc học tập của người được cấp dưỡng là cháu H, xét thấy việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông P là chính đáng, xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000đ/tháng theo Bản án phúc thẩm số: 24/2017/HNGĐ-PT, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh BP là không còn phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế nữa nên cần nâng mức cấp dưỡng lên cho phù hợp.

[4] Xét thu nhập hiện tại của bà V là 11.215.392đ/tháng, ông P yêu cầu nâng mức cấp dưỡng từ 1.200.000đ/tháng, bà V đồng ý nâng mức cấp dưỡng vì các lý do hiện nay bà đang điều trị bệnh lý về mắt, chi trả cho gia đình riêng của bà V và đang nuôi dưỡng mẹ già mất khả năng lao động, thu nhập còn lại không đủ để cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000đ/tháng, bà V cho rằng việc bà V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ là hỗ trợ ông P một phần chi phí nuôi con, mặc khác lương của ông P một tháng đã hơn 15 triệu đồng nên đủ điều kiện để đảm bảo tốt cho việc nuôi con nên bà V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung từ 1.200.000đ/tháng lên 1.800.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Như đã phân tích ở trên, mức cấp dưỡng cũ 1200.00đ/tháng đã không còn phù hợp cho việc nuôi dưỡng cháu H trong thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, yêu cầu của ông P nâng mức cấp dưỡng lên 4.000.000đ/tháng là quá cao. Việc chấp nhận mức cấp dưỡng này có thể sẽ gây khó khăn cho việc chi tiêu nhu cầu sinh hoạt của bà V. Do đó, để đảm bảo cho khả năng thực hiện việc cấp dưỡng của bà V và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H cũng như tạo điều kiện cho cháu H phát triển bình thường về mọi mặt, xét cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thảo H 2.000.000đ/tháng là phù hợp, thời gian cấp dưỡng từ ngày 27/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, theo P thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[5] Về quan điểm của kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ, xét thấy theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do buộc bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức cấp dưỡng và P thức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nên bà V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp mức cấp dưỡng”. Buộc bị đơn bà Đinh Thị Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thảo H, sinh ngày 20/4/2008 mỗi tháng 2.000.000đ, theo P thức định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/9/2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị Thanh V phải chịu 300.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật thi hành án dân sự** thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND;
- Chi cục THA DS;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hưng